THÔNG TIN TÓM TẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1600194461do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016.)

- **Địa chỉ:** 25/40 Trần Hưng Đạo, TP, LongXuyên, Tỉnh An Giang
- **Điện thoại:** 076.3932963
- **Fax:** 076.3932981
- **Website:** www.afiex.com.vn
- **Phụ trách CBTT: Phạm Tấn Hòa**

  Chức vụ: Trưởng Phòng Tổng hợp

  Điện thoại: 0913877315

  Số Fax:076.3932981

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....2

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....2

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: 6

3. Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ. 8

4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của AFIEX, những công ty mà AFIEX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với AFIEX. 9

5. Hoạt động kinh doanh.....9

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và 2015 11

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....12

8. Chính sách đối với người lao động.....14

9. Chính sách cổ tức.....14

10. Tình hình hoạt động tài chính 15

11. Tài sản.....18

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo 19

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…): 20

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh 20

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....21

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....21

1. Hội đồng quản trị 21

12. Ban kiểm soát.....26

3. Ban Tổng Giám đốc 29

4. Kế toán trưởng 30

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty: 31

III. PHỤ LỤC 32

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1.Thông tin chung về công ty:

- **Tên giao dịch**: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
- **Tên giao dịch quốc tế**: AN GIANG AGRICULTURE AND FOODS IMPORT-EXPORT JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt: AFIEX**
- **Logo doanh nghiệp** :
- **Giấy CNĐKKD** : Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1600194461do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016.
- **Vốn điều lệ đăng ký** : 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- **Vốn điều lệ thực góp** : 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng)
- **Địa chỉ** : 25/40 Trần Hưng Đạo, TP. LongXuyên, Tỉnh An Giang
- **Số điện thoại** : 076.3932963
- **Số fax** : 076.3932981
- **Website** : www.afiex.com.vn
- **Email** : xnknstpagg@hcm.vnn.vn
- **Người đại diện theo pháp luật của công ty:**Tổng Giám đốc Nguyễn Thanh Xuân
- **Ngày trở thành công ty đại chúng: 06/07/2011**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Khai thác gỗ;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ;

- Sơ chế gỗ, sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán:**AFX**
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD:35.000.000 cổ phần
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tại ngày chốt danh sách cổ đông 31/07/2016, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

1.3.Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1990: Doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBTC ngày 10/02/1990 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang từ sự sáp nhập của 3 Công ty: Công ty Chăn nuôi; Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản và Xí nghiệp Khai thác Chế biến Thủy sản theo mô hình là doanh nghiệp nhà nước với tên gọi ban đầu là Công ty Xuất nhập khẩu Nông thủy sản An Giang;
- Năm 1992: Căn cứ qui chế thành lập, giải thể doanh nghiệp nhà nước ban hành theo Nghị định 156/HĐBT ngày 07/5/1992 của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang đã ra Quyết định số 528/QĐ ngày 02/11/1992 thành lập lại Công ty, đồng thời tiếp tục sáp nhập một bộ phận của Công ty Lâm sản vào Công ty Xuất nhập khẩu Nông thủy sản An Giang;
- Năm 1995: Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang đã tách Công ty thành 2 công ty hoạt động độc lập đó là Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (nay là Công ty Cổ phần XNK Thủy sản An Giang - AGIFISH) và Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang - AN GIANG AFIEX.
- Ngày 29/01/1996, Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang được thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-UB ngày 29/01/1996 của UBND tỉnh An Giang;
- Năm 2010: Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22/9/2010;
- Năm 2011: Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011 với vốn điều lệ 350 tỷ đồng và

trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 148/CQĐD-NV ngày 06/7/2011 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước – cơ quan đại diện tại TP.HCM.

1.4. Quá trình tăng vốn

Kể từ khi Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần cho đến nay, Công ty chưa tăng vốn.

2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

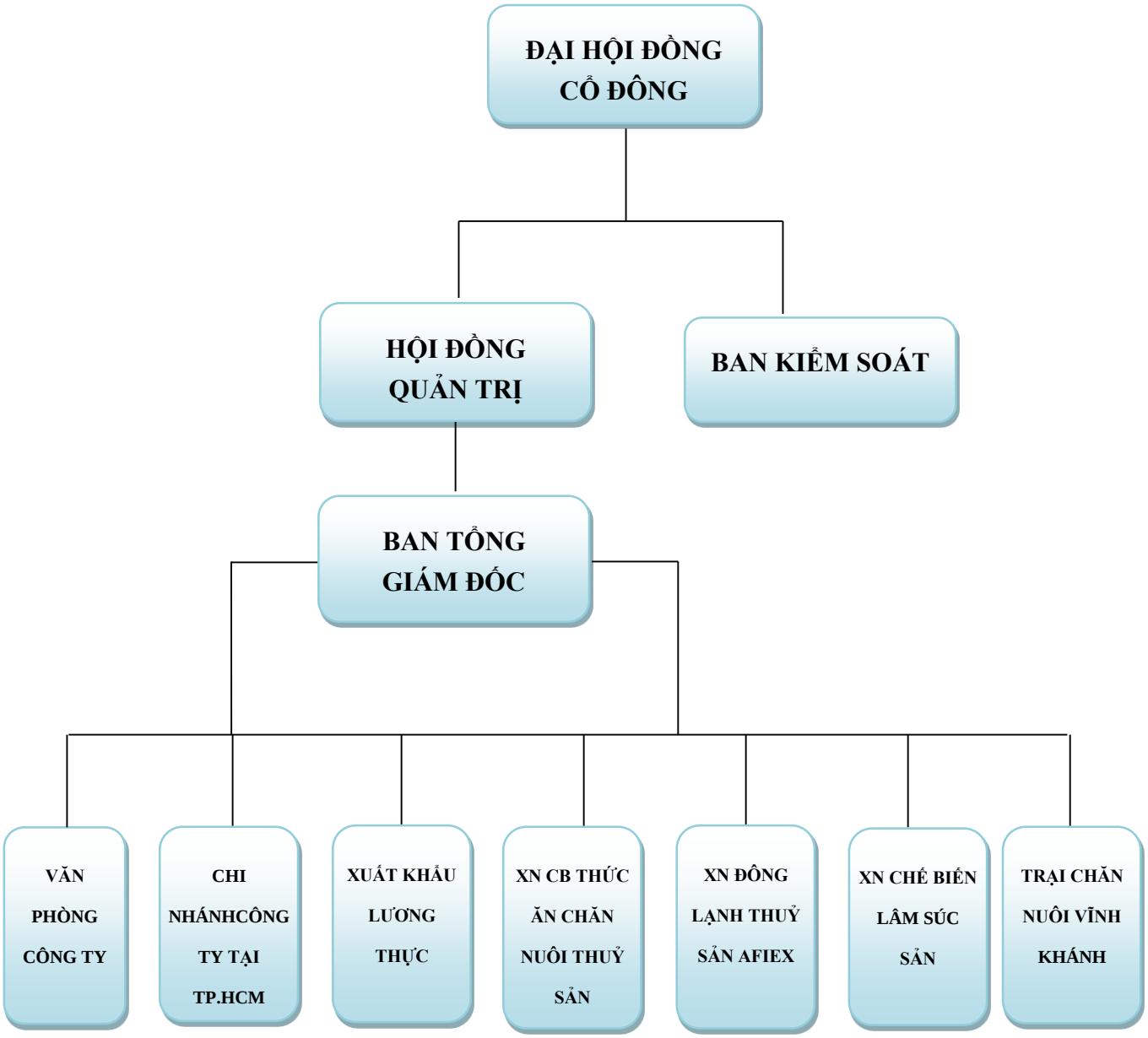

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc, v.v.

Đại Hội đồng cổ đông

Gồm tất cả cổ đông của Công ty, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ bỏ phiếu bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện pháp luật của công ty. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc hay bất kỳ Cán bộ quản lý hoặc người đại diện của công ty nếu có cơ sở để Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có).

Ban kiểm soát

Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc

Gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty.

Tổng Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Văn phòng Công ty

Gồm các phòng ban chức năng, thực hiện công tác hành chính, văn phòng của Công ty, hỗ trợ phối hợp với các chi nhánh thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Chi nhánh và các xí nghiệp

Hoạt động sản xuất, kinh doanh theo đúng ngành nghề đã được qui định và phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất, kinh doanh dịch vụ của Chi nhánh và chịu trách nhiệm trước khách hàng, Pháp luật của Nhà nước về sản phẩm, dịch vụ do Chi nhánh thực hiện.

3. Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/07/2016

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**726**	**35.000.000**	**350.000.000.000**	**100.00%**
1	*Tổ chức*	06	28.570.400	285.704.000.000	81.63%
2	*Cá nhân*	720	6.429.600	64.296.000.000	18.37%
II	**Cổ đông nước ngoài**	-	-	-	-
1	*Tổ chức*	-	-	-	-
2	*Cá nhân*	-	-	-	-
III	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-	-
Tổng cộng		**726**	**35.000.000**	**350.000.000.000**	**100.00%**

Nguồn: Sổ cổ đông ngày 31/07/2016 CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

❖ Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của công ty tại ngày 31/07/2016

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	Tầng 23 - 24 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	17.850.000	51.00%
2	Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	42 Chu Mạnh Trinh, phường Bến Nghé, TP-HCM	7.181.650	20.52%
3	Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết An Giang	64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, LX-AG	3.018.750	8.63%
	Tổng cộng		28.050.400	80,14%

Nguồn: Sổ cổ đông ngày 31/07/2016 CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

❖ Danh sách Cổ đông sáng lập:

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày thành lập. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016. Theo đó, đến nay cổ phiếu của các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con của AFIEX, những công ty mà AFIEX đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với AFIEX.

- **Công ty mẹ:** Không có
- **Công ty con**: Không có
- **Công ty liên doanh, liên kết**:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số ĐKKD	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn điều lệ đăng ký/thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Afiex
Công ty TNHH TM Sài Gòn – An Giang	Số 12 Nguyễn Huệ, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang SĐT: 0763940001 Fax: 0763945966	Kinh doanh siêu thị	1600674718	30.000	30.000	15%
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, An Giang SĐT: 0903931755	Kinh doanh siêu thị	1601972058	75.000	75.000	25%

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm dịch vụ chính:

Các lĩnh vực kinh doanh chính gồm:

- Kinh doanh chế biến lương thực:

  Công ty có năng lực kho chứa (quy gạo) 90.000 tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo 300.000 tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 tấn/năm, sấy lúa công nghiệp 50.000 tấn/năm và xay xát lúa 36.000 tấn/năm, AFIEX hiện đang cung cấp sản phẩm gạo trắng xuất khẩu cho các thị trường Châu Á, Châu Phi, Trung Đông, v.v… Thị phần của Công ty trong ngành lương thực khoảng 0,7% thị phần.

- Kinh doanh chế biến thủy sản:

  Công ty có 02 phân xưởng sản xuất hàng đông lạnh với công suất chế biến 7.000 tấn thành phẩm/năm (tương đương 18.000 tấn cá nguyên liệu/năm), sử dụng thiết bị công nghệ từ Mỹ, Nhật và Châu Âu cung cấp các sản phẩm xuất khẩu như: cá tra, cá basa fillet cho các thị trường Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, v.v… và các sản phẩm giá trị gia tăng cho thị trường nội địa. Thị phần của Công ty trong ngành khoảng 0,2% thị phần.

- Kinh doanh chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản:

  Công ty có công suất thiết kế 100.000 tấn/năm bao gồm 04 dây chuyền sản xuất theo công nghệ Hà Lan, Mỹ và Đài Loan. Công ty cung cấp sản phẩm thức ăn chăn nuôi như: thức ăn dạng bột, cán mảnh, viên, viên nổi cho gia súc, gia cầm và cá,…, sản lượng tiêu thụ chiếm khoảng 5% thị phần.

- Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: thức ăn heo con, thức ăn heo thịt, thức ăn vịt con, thức ăn cho cá da trơn, thức ăn cá lóc, v.v...
- Sản phẩm chăn nuôi: cá tra bột, cá tra giống, tinh heo, v.v....
- Lương thực: gạo nội địa, gạo xuất khẩu, v.v...
- Thủy sản đông lạnh: sản phẩm đông lạnh, sản phẩm giá trị gia tăng như bao tử cá basa dồn chả cá, bao tử cá basa xếp khay, v.v…

5.2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Đvt: triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2014		Năm 2015		06 tháng/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.626.477	100%	1.411.805	100%	672.639	100%
Tổng Doanh thu thuần	**1.626.477**	**100%**	**1.411.805**	**100%**	**672.639**	**100%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

5.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: triệu đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2014		Năm 2015		06 tháng/2016	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT(%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.004	5,10%	93.103	6,59%	27.859	4,14%
Tổng Lợi nhuận gộp	**83.004**	**5,10%**	**93.103**	**6,59%**	**27.859**	**4,14%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và 2015

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014 và 2015

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	06 tháng/2016
Tổng giá trị tài sản	925.403.657.091	728.735.426.873	(21.25%)	594.469.455.566
Vốn chủ sở hữu	341.327.486.698	340.665.058.806	(0.19%)	332.751.198.824
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.626.477.013.887	1.411.804.724.092	(13.20%)	672.639.275.747
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(19.701.598.322)	(4.891.676.015)	-	(8.387.983.521)
Lợi nhuận khác	6.810.160.112	4.229.248.123	(37.89%)	474.123.539
Lợi nhuận trước thuế	(12.891.438.210)	(662.427.892)	-	(7.913.859.982)
Lợi nhuận sau thuế	(12.891.438.210)	(662.427.892)	-	(7.913.859.982)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%
Giá trị sổ sách/ 1 cổ phiếu (Đồng/CP)	9.752	9.733	(0.19%)	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ **Thuận lợi:**

- Định hướng kinh doanh đa ngành nghề đã tạo được lợi thế, hỗ trợ và bù đắp lẫn nhau lúc kinh doanh gặp khó khăn.
- Chủ động trong chiến lược dự trữ nguyên liệu, phát triển thị trường và sản phẩm, tiếp tục duy trì được hiệu quả trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Kinh doanh lương thực đạt hiệu quả tích cực hơn so năm trước.
- Một số lĩnh vực, hoạt động phụ tuy gặp khó khăn nhưng vẫn kinh doanh hiệu quả nhất là dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu... Hoạt động liên doanh Coopmart Long Xuyên tiếp tục tăng trưởng hiệu quả.
- Trong năm 2015, đã nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức tín dụng, việc tiếp cận vốn vay ít gặp khó khăn hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

- Thương hiệu tiếp tục được quảng bá, ngành hàng "Thực phẩm khô, đồ ăn liền" của Công ty (cá khô, gạo nội địa) được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2016.

❖ **Khó khăn:**

- Thị trường diễn biến bất lợi, nhiều lĩnh vực kinh doanh bị ảnh hưởng, nhất là chế biến thủy sản và chăn nuôi heo, cá, Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu không đạt kế hoạch.
- Kinh doanh lương thực tiếp tục gặp khó khăn trong tiêu thụ tuy hiệu quả có cải thiện hơn so năm 2014. Nguyên nhân do giá bán giảm, trong khi giá lúa gạo nội địa thường xuyên biến động tăng và cao hơn giá giao dịch thương mại, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu không đạt kế hoạch.
- Tiêu thụ cá tra đông lạnh (XK và nội địa) đạt thấp so cùng kỳ, gia công tuy duy trì nhưng chưa tăng được sản lượng và bù đắp được chi phí quản lý chung, hoạt động nuôi không hiệu quả do nhu cầu mua cá nguyên liệu sụt giảm, giá bán thấp so giá thành nên phát sinh lỗ.
- Lĩnh vực thức ăn chăn nuôi ngày càng khó khăn hơn do yếu tố cạnh tranh, ảnh hưởng giá bán sản phẩm chăn nuôi giảm thấp (nhất là cá tra), tỷ giá tăng...nên sản lượng tiêu thụ và hiệu quả giảm so cùng kỳ
- Ngoài tình hình khó khăn chung của kinh tế làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Công ty còn gặp những khó khăn đặc thù, liên quan đến chính sách định giá doanh nghiệp, nổi trội là việc xác định giá trị lợi thế doanh nghiệp quá cao khi tiến hành cổ phần hóa. Cụ thể giá trị lợi thế kinh doanh được tính là 56.5 tỷ đồng, chiếm 16% trên tổng số vốn điều lệ 350 tỷ đồng. Trong bối cảnh sản xuất kinh doanh chưa hồi phục, đây là nguồn vốn vô hình rất lớn ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty các năm qua. Năm 2015 Công ty đã thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh số tiền 5.657.357.532 VND và điều chỉnh phân bổ các năm 2013, 2014. Như vậy lũy kế tổng giá trị lợi thế kinh doanh đã phân bổ theo thông tư 138/2012/TT-BTC đến nay là: 18.386.411.979 VND.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- **Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

a) Ngành lương thực

+ Thị phần của Công ty trong ngành lương thực các năm gần đây :

Tỷ trọng ngành : 0.54%, Thị phần có xu hướng giảm trong bối cảnh khó khăn chung của ngành lương thực.

Lợi thế cạnh tranh là nằm trên địa bàn vùng trọng điểm lúa gạo; kinh nghiệm thương trường nhiều năm (xuất gạo từ năm 1990); cơ sở hạ tầng chế biến, bảo quản đồng bộ

hoàn chỉnh và liên tục được công nhận là doanh nghiệp xuất khẩu uy tín từ năm 2004 đến nay.

Đối thủ cạnh tranh là Công ty các thành viên của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh, Công ty TNHH SX TM Phương Quân, Công ty TNHH MTV DL TM Kiên Giang, Công ty CP Tập Đoàn Intimex, Công ty CP XNK An Giang (Angimex – AGM), …

+ Triển vọng phát triển của ngành:

Ngành gạo đang tái cơ cấu mạnh mẽ gắn với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Thông qua các dự án xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo, phát triển trương hiệu gạo quốc gia, hội nhập sâu rộng qua ký kết mới các hiệp định FTA (nhất là TPP), … triển vọng ngành gạo sớm được phục hồi và tăng trưởng trở lại.

b) Ngành thức ăn chăn nuôi

+ Thị trường mảng thức ăn chăn nuôi của Công ty chủ yếu là 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và hướng tới mở ra các tỉnh miền Đông với sản lượng tiêu thụ bình quân 60.000 tấn/năm, chiếm khoảng 5% thị phần. Lợi thế cạnh tranh là gần vùng nguyên liệu (tấm, cám, bắp…); sản phẩm có mặt sớm trên thị trường hơn 25 năm; thương hiệu "thức ăn AFIEX" được người chăn nuôi đồng bằng Cửu Long biết đến nhiều; chất lượng sản phẩm ổn định và giá bán hợp lý. Đối thủ cạnh tranh của Công ty là các nhãn hàng thức ăn chăn nuôi: Con Cò, CP, Cargill, UP, Việt Thắng,…

+ Triển vọng phát triển của ngành:

Ngành cũng đang đối diện với các khó khăn trong bối cảnh hội nhập, do lĩnh vực chăn nuôi kém sức cạnh tranh. Nội bộ ngành cũng đang diễn ra cạnh tranh gay gắt về thị phần, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, dư địa thị phần vẫn còn khá lớn, nhất là các sản phẩm dành cho đối tượng vật nuôi có tính đặc thù.

c) Ngành thủy sản

+ Có quy mô sản xuất tương đối nhỏ so với các đơn vị chế biến xuất khẩu cá tra đông lạnh trong tỉnh và cả nước. Lợi thế cạnh tranh nằm trên địa bàn vùng nguyên liệu, tay nghề công nhân tốt, chất lượng sản phẩm luôn ổn định.

Thị phần của Công ty trong ngành thủy sản các năm gần đây chiếm tỷ trọng khoảng 0.2%.

+ Triển vọng phát triển của ngành:

Ngành cũng đang gặp khó khăn về chiến lược phát triển và đang thực hiện cấu trúc lại, tập trung vào các giải pháp xây dựng chuỗi giá trị, nâng cao chất ượng sản phẩm gắn với thương hiệu riêng của cá tra Việt Nam, phát triển thị trường bền vững…

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động tính đến ngày 31/12/2015

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng (%)
	Phân theo trình độ lao động	289	
1	Cao học	05	1.73%
2	Đại học, cao đẳng	159	55.02%
3	Trung cấp	125	43.25%
Tổng cộng		289	100%

Nguồn: CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

- **Về đào tạo**

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Trong năm thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng chuyên môn nâng cao trình độ của người lao động và các lớp bồi dưỡng kiến thức về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng cử người tham gia các khóa học ngắn hạn về cập nhật kiến thức thuế, tiền lương, quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng…

- **Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ**

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên với những chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì chính sách thưởng đột xuất, chính sách thưởng hàng kỳ cho cá nhân và tập thể căn cứ vào những thành tích nỗ lực hoàn thành công việc, năng suất lao động cao, thực hành tiết kiệm và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.

Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể

- **Mức lương bình quân**

	ĐVT	Mức lương bình quân
Năm 2014	Đồng/người/tháng	5.000.000
Năm 2015	Đồng/người/tháng	5.200.000

9. Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa

qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Trong những năm qua, do hoạt động kinh doanh không có lãi nên Công ty chưa tiến hành chi trả cổ tức.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao TSCĐ

Công ty đã thực hiện đúng các quy định về khấu hao tài sản cố định. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06–50
Máy móc, thiết bị	06– 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06–30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	04 – 25
Phần mềm máy tính	03 – 08
Quyền sử dụng đất	25 – 50
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty đã thực hiện tốt việc thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện tốt các khoản phải nộp đúng theo luật định:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**669.763.548**	**246.685.426**	**17.408.512**
1. Thuế thu GTGT	-	212.478.445	-
2. Thuế XNK	633.343.260	-	-
3. Thuế thu nhập cá nhân	36.191.388	31.848.681	16.711.912

4. Thuế tài nguyên	228.900	2.358.300	696.600

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện tốt việc trích lập quỹ đúng theo điều lệ công ty và theo luật định:

Đơn vị tính: đồng

Các quỹ của Công ty	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Quỹ đầu tư phát triển	4.875.078.692	4.875.078.692	4.875.078.692
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.019.927.730	2.036.500.730	764.200.730
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.002.602.581	2.002.602.581	2.002.602.581
Tổng cộng	**10.897.609.003**	**8.914.182.003**	**7.641.882.003**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Tổng dư nợ vay:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Vay và nợ ngắn hạn	501.139.244.941	338.697.831.593	222.702.033.895
Vay và nợ dài hạn	60.837.695	-	-
Tổng cộng	**501.200.082.636**	**338.697.831.593**	**222.702.033.895**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Tình hình công nợ hiện nay*(tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả):*

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Các khoản phải thu ngắn hạn	**128.581.437.194**	**100.807.463.341**	**37.905.231.400**
Phải thu khách hàng	110.921.979.068	82.522.422.698	32.118.753.337
Trả trước cho người bán	15.159.603.199	23.416.252.912	12.516.093.834
Các khoản phải thu khác	9.685.390.082	5.860.456.797	4.010.074.384
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.185.535.155)	(10.991.669.066)	(10.739.690.155)
Các khoản phải thu dài hạn	**84.000.000**	**60.000.000**	**60.000.000**
Phải thu dài hạn khác	84.000.000	60.000.000	60.000.000
Tổng cộng	**128.665.437.194**	**100.867.463.341**	**37.965.231.400**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Nợ ngắn hạn	**583.512.332.698**	**387.567.368.067**	**261.215.256.742**
Phải trả người bán	38.396.513.657	23.293.868.582	24.180.787.436
Người mua trả trước	3.956.877.876	5.578.638.277	6.340.575.299
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	669.763.548	246.685.426	17.408.512
Phải trả người lao động	908.738.352	3.951.572.101	750.293.641
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.037.649.539	2.429.587.212	2.628.790.099
Phải trả ngắn hạn khác	33.383.617.055	11.332.684.146	3.831.167.130
Vay và nợ ngắn hạn	501.139.244.941	338.697.831.593	222.702.033.895
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.019.927.730	2.036.500.730	764.200.730
Nợ dài hạn	**563.837.695**	**503.000.000**	**503.000.000**
Vay và nợ dài hạn	60.837.695	-	
Phải trả dài hạn khác	503.000.000	503.000.000	503.000.000
Tổng cộng	**584.076.170.393**	**388.070.368.067**	**261.718.256.742**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**37.300.000.000**	**-**	**1.700.000.000**
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn(*)	37.300.000.000	-	1.700.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	**4.500.000.000**	**23.250.000.000**	**23.250.000.000**
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	4.500.000.000	23.250.000.000	23.250.000.000
Tổng cộng	**41.800.000.000**	**23.250.000.000**	**24.950.00.000**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Ghi chú: (*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại 30/06/2016 là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 5 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 5%/năm

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• **Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn**	Lần	1.21	1.27
• **Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn**	Lần	0.58	0.35
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• **Hệ số Nợ/Tổng tài sản**	%	63.12	53.25
• **Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu**	%	171.12	113.92
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• **Vòng quay hàng tồn kho:**			
Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	4.21	3.64
• **Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân**	Lần	1.76	1.71
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• **Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần**	%	(0.79)	(0.05)
• **Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ**	%	(3.78)	(0.19)
• **Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ**	%	(1.39)	(0.08)
• **Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần**	%	(1.21)	(0.35)

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

11. Tài sản

Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	GTCL	%GTCL/NG
1	**Tài sản cố định hữu hình**	**359.994.721.586**	**104.445.827.078**	**29,01%**
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	147.192.750.892	45.126.839.224	30,66%
b	Máy móc, thiết bị	177.919.359.951	52.058.973.378	29,26%

c	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	27.131.590.315	4.377.349.963	16,13%
d	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.368.329.440	1.354.926.908	31,02%
e	TSCĐ khác	3.382.690.988	1.527.737.605	45,16%
2	Tài sản cố định vô hình	47.967.831.410	47.489.693.971	99,00%
a	Quyền sử dụng đất	47.648.953.540	47.408.644.787	99,50%
b	Phần mềm máy tính	318.877.870	81.049.184	25,42%
Tổng cộng		**407.962.552.996**	**151.935.521.049**	**37.24%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/06/2016
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**19.303.674.958**	**16.251.323.018**	**16.209.459.146**
Tổng cộng	**19.303.674.958**	**16.251.323.018**	**16.209.459.146**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC giữa niên độ 2016 CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Ghi chú: Một số dự án xây dựng cơ bản dở dang như: dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc, dự án cải tạo băng chuyền tái đông 600 m³/ngày tại Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản Afiex, v.v...

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017 (*)	
			Kế hoạch	% so với năm 2015	Kế hoạch	% so với năm 2016
1	Doanh thu thuần	1.411.805	1.333.000	94.42%	-	-
2	Vốn điều lệ	350.000	350.000	100%	-	-
3	Lợi nhuận sau thuế	(662)	200	-	-	-
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	0.02%	-	-	-

5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	-	0.06%	-	-	-
6	Cổ tức	-	0%	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của CTCP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Ghi chú: (*) *Công ty chưa có kế hoạch cho năm 2017*

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Thực hiện tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh theo hướng tập trung, ưu tiên các lĩnh vực chính như SX-KD lương thực, thức ăn chăn nuôi. Kết hợp với khai thác các lợi thế của hoạt động kinh doanh phụ trên cơ sở tạo được hiệu quả chung cho Công ty.
- Thanh lý thu hồi các tài sản không cần dùng qua kết quả tái cấu trúc SXKD, giảm vốn vay và chi phí đi vay.
- Cố gắng duy trì khách hàng, thị trường truyền thống, tích cực khai thác các phân khúc thị trường có tiềm năng phù hợp với thế mạnh của Công ty.
- Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy nhân lực tinh gọn, tối ưu.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất…):

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

14.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Tiếp tục các nỗ lực khắc phục khó khăn, tập trung giữ ổn định thị trường, phát triển các ngành nghề kinh doanh, nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông.

14.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Thực hiện tái cơ cấu đồng bộ về sản xuất kinh doanh, tài chính, tổ chức quản trị với mục tiêu tạo chuyển biến nhằm nhanh chóng vượt qua khó khăn, ổn định tình hình và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Rà soát các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; căn cứ diễn biến thị trường, thực trạng nguồn lực và lợi thế cạnh tranh để xác định ngành nghề kinh doanh chính, hoạt động phụ trợ có tiềm năng phát triển và tạo được hiệu quả.
- Định hướng chiến lược trung hạn với mục tiêu ưu tiên đầu tư, phát triển 02 ngành kinh doanh chính: lương thực và thức ăn chăn nuôi.
- Nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển nguồn nhân lực và quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, tiếp thị, phát triển thị trường trong và ngoài nước.

14.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Chú trọng cải tiến đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1.Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh	Ghi chú
1	Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch	1960	TV HĐQT không điều hành
2	Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	1967	TV HĐQT điều hành
3	Phạm Ngọa Long	Thành viên	1963	TV HĐQT điều hành
4	Trần Bảy	Thành viên	1960	TV HĐQT không điều hành
5	Tô Thiện Hữu	Thành viên	1957	TV HĐQT không điều hành
6	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	1961	TV HĐQT không điều hành
7	Đặng Minh Thừa	Thành viên	1977	TV HĐQT không điều hành

1.2.Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

a. Ông Quốc Hồ Đình Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 24/9/1960

CMND : 025025375 cấp ngày 10/10/2008 tại CA TP.HCM

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 128/6 Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn : Cử nhânkinh tế

Quá trình công tác

- Từ 8/1980–10/1984 : B Trưởng-Bộ đội hóa học C21, F320A, QĐ3.
- Từ 10/1984–6/1989 : Chuyên viên Phòng Đào tạo-Trường Thương nghiệp BTT.
- Từ 7/1989–11/1995 : Trưởng phòng XNK- Công ty Thương mại Quảng Trị.
- Từ 12/1995–8/2007 : Trưởng phòng TCDN-Sở Tài chính Quảng Trị.
- Từ 8/2007– 3/2009 : Kiểm tra viên chính Phòng KSNB-Hội sở Ngân hàng MHB.
- Từ 4/2009-nay : Kinh tế viên chính, Trưởng Phòng QLDM-Chi nhánh phía Nam-SCIC.

- Từ 06/2016 - nay		Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần XNK Nông sản thực phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần XNK Nông sản thực phẩm An Giang
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Kinh tế viên chính, Trưởng Phòng QLDM-Chi nhánh phía Nam-SCIC.
Số CP nắm giữ	:	10.850.000 cổ phần, tương ứng 31% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	:	10.850.000 cổ phần, tương ứng 31% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	:	Không có

b. Ông Nguyễn Thanh Xuân – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	24/02/1967
Nơi sinh	:	Mỹ Hiệp, Chợ Mới, An Giang
CMND	:	350724248 ngày cấp 06/09/2004, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	17/7B Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang
Trình độ chuyên môn:	:	Cử nhân Kinh Tế - Tài Chính kế toán
Quá trình công tác:		
- Từ 12/1987 –12/1989	:	Công tác tại Công ty Xây Dựng Huyện Chợ Mới - An Giang
- Từ 1/1990 –1997	:	Công tác tại Công ty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
- Từ 1997 – 02/2010	:	Giám đốc Xí Nghiệp Xuất Khẩu Lương Thực (trực thuộc Công ty AFIEX)
- Từ 02/2010 - 4/2011	:	Phó Giám Đốc Công Ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Từ 03/2011 – nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Từ 4/2011–20/6/2016	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Từ 20/6/2016 – nay	:	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang năm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số CP nắm giữ	:	3.582.200 cổ phần, tương ứng 10.23% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	82.200 cổ phần, tương ứng 0.23% VĐL
- Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	:	3.500.000 cổ phần, tương ứng 10% VĐL

Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan

- Trương Thị Thanh Tuyền – Vợ : 55.400 cổ phần, tương ứng 0.16% VĐL
- Nguyễn Văn Thửa – Anh ruột
- Nguyễn Thành Nam – Em ruột : 31.200 cổ phần, tương ứng 0.09% VĐL

: 11.800 cổ phần, tương ứng 0.03% VĐL

c. Ông Phạm Ngọa Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	28/04/1963
Nơi sinh	:	Châu Phú B, TX. Châu Đốc, An Giang
CMND	:	350049624 ngày cấp 08/11/2005, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	34A, Bùi Văn Danh, Phường Đông Xuyên, Tp. Long Xuyên, An Giang
Trình độ chuyên môn:	:	Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác:		
- Từ 04/1986 –12/1989	:	Kế toán tổng hợp XN Đông Lạnh Thủy sản, trực thuộc Công ty XNK Thủy Sản Tỉnh An Giang
- Từ 01/1990 –12/1995	:	Phó phòng kế toán Công ty XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Từ 01/1996 – 3/2011	:	Kế toán trưởng Công ty XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
- Từ 03/2011 - nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số CP nắm giữ	:	3.578.900 cổ phần, tương ứng 0.23% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	78.900 cổ phần, tương ứng 0.23% VĐL
- Đại diện sở hữucủa Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	:	3.500.000 cổ phần, tương ứng 10% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan		
- Phạm Thị Tuyết Mai – Chị ruột	:	1.900 cổ phần, tương ứng 0.01% VĐL

d. Ông Trần Bảy – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	10/12/1960
CMND	:	020881092
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	55/12 Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ chuyên môn:	:	Cử nhân - Chuyên ngành: Kinh tế vật tư.
Quá trình công tác:		
- Từ 1982 – 1992	:	Cán bộ - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
- Từ 1992 –1997	:	Phó Phòng kinh doanh - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
- Từ 1997 – 2007	:	Trưởng Phòng kinh doanh - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
- Từ 2007 – nay	:	Trưởng Phòng Kế hoạch chiến lược - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
- Từ 05/2013 – nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng Phòng Kế hoạch chiến lược - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
Số CP nắm giữ	:	7.181.650 cổ phần, tương ứng 20.5% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Đại diện sở hữu của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	:	7.181.650 cổ phần, tương ứng 20.5% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	:	Không có

e. Ông Tô Thiện Hữu – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	22/10/1957
CMND	:	351393663 cấp ngày 14/1/2011 tại CA An Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	9C6 Nguyễn Khuyến, phường Bình Khánh, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Trình độ chuyên môn:	:	Thạc sỹ- Chuyên ngành kinh tế.
Quá trình công tác:		
- Từ 04/1981 – 02/1983	:	Nhân viên Sở Tài chính vật Giá An Giang.
- Từ 02/1983 – 01/1984	:	Phó phòng Ngân sách-Sở Tài chính vật Giá An Giang.
- Từ 01/1984 – 11/1989	:	Phó Ban Thanh Tra tài chính- Sở Tài chính vật Giá An Giang.
- Từ 11/1989 – 02/1994	:	Phó Giám đốc Công ty Xổ số Kiến thiết An Giang.
- Từ 02/1994 – 2010	:	Giám đốc Công ty Xổ số Kiến thiết An Giang.
- Từ 2010 – nay	:	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang.
- Từ 03/2011 – nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang.
Số CP nắm giữ	:	3.028.750 cổ phần, tương ứng 8.65% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	10.000 cổ phần, tương ứng 0.03% VĐL
- Đại diện sở hữu của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang	:	3.018.750 cổ phần, tương ứng 8.63% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	:	Không có

f. Ông Nguyễn Văn Tiến – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	08/02/1961
Nơi sinh	:	An Giang
CMND	:	350392436
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	133/2 Châu Thị Tế, phường Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang
Trình độ chuyên môn:	:	Cử nhân-Chuyên ngành: Kinh tế ngoại thương
Quá trình công tác:		
- Từ 09/1982.	:	Tham gia công tác tại Công ty Angimex
- Từ 1994 – 1996	:	Quản đốc nhà máy Angimex II.
- Từ 1996 – 7/2003	:	Giám đốc Xí nghiệp chế biến lương thực I.
- Từ 7/2003 – 12/2009	:	Phó Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
- Từ 01/2010 – 04/2016	:	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
- Từ 04/2016 – nay	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
- Từ 06/2016 - nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần XNK Nông sản thực phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
Số CP nắm giữ	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0 % VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan		
- Võ Thị Ngọc Hà – Vợ	:	70.000 cổ phần, tương ứng 0.2% VĐL

g. Ông Đặng Minh Thừa – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	12/12/1977
CMND	:	024867728

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	73/3 Đường số 7, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn:	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh quốc tế (MBA)
Quá trình công tác:	:	
- Năm 2001 – 2003	:	Nhân viên kế toán Công ty TNHH H&L (VN) tỉnh Bình Dương
- Năm 2003 – 2005	:	Nhân viên kế toán Công ty TNHH NITTO DENKO (VN) tỉnh Bình Dương
- Năm 2005 – 2008	:	Trưởng Phòng TCKT Công ty TNHH MA Builder International (VN) Tp. HCM
- Tháng 04/2008 - 03/2013	:	Chuyên viên kế toán Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam
- Tháng 03/2013 - 04/2014	:	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Đầu tư và kinh doanh khoáng sản Vinaconex (SCIC biệt phái)
- Tháng 05/2013 - 06/2014	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phương Hải tại Ninh Thuận
- Tháng 04/2014 - 12/2014	:	Phó Phòng Tổng hợp Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam
- Tháng 12/2012 - 04/2015	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Phát triển hạ tầng KCN Tây Ninh
- Tháng 09/2011 - 04/2015	:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP In Nông nghiệp, Tp. HCM
- Tháng 12/2014 - 09/2015	:	Phó Phòng TCKT (Phụ trách Phòng TCKT) Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam
- Tháng 09/2015 - nay	:	Trưởng Phòng TCKT Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam
- Tháng 05/2015 - 9/2016	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Mía Đường Cần Thơ
- Tháng 09/2016 - nay	:	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây hạ tầng KCN Cần Thơ
- Tháng 11/2016 - nay	:	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trưởng Phòng TCKT Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chi nhánh khu vực phía Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây hạ tầng KCN Cần Thơ
Số CP nắm giữ	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan		Không có

12. Ban kiểm soát

2.1.Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh
1	Trần Khánh Giang	Trưởng ban	1960
2	Trần Hoàng Ngân	Thành viên	1982
3	Hồng Lệ Vân	Thành viên	1984

2.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

a. Ông Trần Khánh Giang – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	20/9/1960
Nơi sinh	:	An Giang
CMND	:	350066319 cấp ngày 13/4/2012 tại CA An Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	516 Khóm Đông Thành, phường Đông Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Trình độ chuyên môn:	:	Cử nhân Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:		
- Từ 6/1991 – 12/1995	:	Kế toán viên Xí nghiệp XK Nông Lâm sản.
- Từ 01/1996 – 01/2001	:	Kế toán viên Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Từ 02/2001 – nay	:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Đông lạnh thủy sản Afiex-Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
- Từ 06/2016 – nay	:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Trưởng Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang năm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số CP nắm giữ	:	3.100 cổ phần, tương ứng 0.009%% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	3.100 cổ phần, tương ứng 0.009%% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan		
- Huỳnh Thị Mai Hoa – Vợ	:	900 cổ phần, tương ứng 0.003% VĐL

b. Ông Trần Hoàng Ngân – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	14/4/1982
CMND	:	025667756 cấp ngày 8/8/2012 tại CA TP.HCM
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh

Đia chỉ thường trú	:	37/10F Nguyễn Văn Lượng, phường 16, quận Gò Vấp, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn:	:	Thạc sỹ kinh tế- Chuyên ngành: Tài chính doanh nghiệp
Quá trình công tác:		
- Từ 2004 – 2009	:	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán-Công ty TNHH Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ 06/2009 – nay	:	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty-Tổng công ty Lương thực Miền Nam.
- Từ 06/2015 – nay	:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang năm giữ tại tổ chức khác	:	Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty-Tổng công ty Lương thực Miền Nam.
Số CP nắm giữ	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	:	Không có

c. Bà Hồng Lệ Vân – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính:	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	08/7/1984
CMND	:	023691311
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	Số 36 đường 24 Bình Phú, phường 11, quận 6, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	:	Thạc sỹ - Chuyên ngành: Kế toán
Quá trình công tác:		
- Từ 2006 – 2009	:	Chuyên viên đầu tư CTCP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn.
- Từ 2009 – 2011	:	Nhân viên kế toán bán hàng Ecosway Ltd, Australia-Cabramatta store.
- Từ 2011 – nay	:	Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía Nam-Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.
- Từ 4/2012 – 3/2014	:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Du lịch Việt Nam Tp.HCM.
- Từ 6/2012 – 4/2016	:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Vận tải ô tô Tiền Giang.
- Từ 3/2014 – 3/2015	:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Rau quả Tiền Giang.
- Từ 4/2014 – nay	:	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang.
- Từ 6/2016 – nay	:	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực Phẩm An Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	- Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía Nam-Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang.

Số CP nắm giữ	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan		Không có

3. Ban Tổng Giám đốc

3.1 Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức danh	Năm sinh
1	Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc	1967
2	Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám đốc	1963
3	Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc	1966

3.2 SYLL thành viên Ban Tổng Giám đốc

a. Ông Nguyễn Thanh Xuân – Tổng Giám đốc

Xem SYLL tại thành viên HĐQT

b. Phạm Ngọa Long – Phó Tổng Giám đốc

Xem SYLL tại thành viên HĐQT

c. Ông Trần Xuân Phúc – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	:	04/07/1966
Nơi sinh	:	Mỹ Xá, Quảng Điền, Thừa Thiên-Huế
CMND	:	350797532 cấp ngày 30/8/2000 tại An Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	494C/25 Quản Cơ Thành, Bình Khánh, TP.LX, AG
Trình độ chuyên môn:	:	Kỹ sư trồng trọt
Quá trình công tác:		
- Từ 11/1987 - 10/1989	:	Cán bộ Kỹ thuật-Công ty Dịch vụ KTNN Thị xã Long Xuyên – An Giang
- Từ 03/1991 - 06/1993	:	Nhân viên Cung ứng Cửa hàng bách hóa Tổng hợp - Công ty AFIEX An Giang .
- Từ 07/1993 - 12/1995	:	Tổ trưởng Tổ Cung ứng Phân xưởng CB Lương thực - Công ty AFIEX An Giang.
- Từ 01/1996 - 02/1998	:	Phó Quản đốc Phân xưởng CB Lương thực - Công ty AFIEX An Giang.

- Từ 03/1998 - 08/2000	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp XK Lương thực - Công ty AFIEX An Giang.
- Từ 09/2000 - 08/2012	:	Phó Bí thư Chi bộ CN, Phó Giám đốc Chi nhánh XK Lương thực - Công ty AFIEX An Giang.
- Từ 09/2012 - 06/2015	:	Bí thư Chi bộ CN, Phó Giám đốc Chi nhánh XK Lương thực – Công ty AFIEX An Giang.
- Từ 06/2015 - 06/2016	:	P. Bí thư Đảng ủy Công ty, Chủ nhiệm UBKTĐU Công ty, Bí thư Chi bộ CN, Phó Giám đốc Chi nhánh XK Lương thực - Công ty AFIEX An Giang.
- Từ 07/2016 – nay	:	P. Bí thư Đảng ủy Công ty, Bí thư Chi bộ, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Phó Tổng Giám đốc
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số CP nắm giữ	:	21.800 cổ phần, tương ứng 0.06% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	21.800 cổ phần, tương ứng 0.06% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan	:	Không có

4. Kế toán trưởng

Bà Trần Kim Uyên – Kế toán trưởng

Giới tính:	:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	:	01/04/1966
Nơi sinh	:	Châu phú – Châu đốc – An Giang
CMND	:	350648588 ngày cấp 24/10/2009, nơi cấp An Giang
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Đia chỉ thường trú	:	63 Chi lăng, Khóm 5, Phường Châu Phú A, Thị Xã Châu Đốc, An Giang
Trình độ chuyên môn:	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:		
- Từ 01/1986 – 12/1989	:	Công tác tại Công ty Thủy sản An Giang – Chức vụ: nhân viên phòng kế toán
- Từ 01/1990 – 08/1990	:	Công tác Ban thanh lý Công nợ Công ty Thủy sản An Giang – Chức vụ: nhân viên phòng kế toán
- Từ 09/1990 – 12/1995	:	Công tác tại Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang – Chức vụ: nhân viên phòng kế toán
- Từ 01/1996 – 11/1998	:	Công tác tại Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang – Chức vụ: nhân viên phòng kế toán
- Từ 12/1998 – 12/2006	:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Bột mì

- Từ 01/2007 – 05/2010	:	Tổ xử lý nợ Xí nghiệp Bột mì
- Từ 06/2010 – 04/2012	:	Phụ trách Kế toán Ban quản lý Dự án Nam Châu Đốc
- Từ 05/2012 – nay	:	Kế toán trưởng Công ty cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Không
Số CP nắm giữ	:	40.200 cổ phần, tương ứng 0.11% VĐL
- Sở hữu cá nhân	:	40.200 cổ phần, tương ứng 0.11% VĐL
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, tương ứng 0% VĐL
Tỷ lệ sở hữu của người có liên quan		
- Trần Thanh Nga – Chị ruột	:	5.000 cổ phần, tưởng ứng 0.01% VĐL

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty:

- Tăng cường công tác giám sát, điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cái tiến công tác quản trị nội bộ
- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ
- Quản lý và sử dụng linh hoạt, hợp lý lao động trên cơ sở khối lượng công việc hiện có, chủ động điều chỉnh đơn giá phù hợp, gắn liền quyền lợi với kết quả công việc, nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất hiệu quả công tác.
- Việc quản trị Công ty, Điều lệ hoạt động trên cơ sở Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

III. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II:BCTC kiểm toán năm 2015.

An Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2016

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CTCP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG	
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG M.S.D.N: 1600194461-C.T.C.P TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG **QUỐC HỒ ĐÌNH TUẤN**	**TỔNG GIÁM ĐỐC** **NGUYỄN THANH XUÂN**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT **TRẦN KHÁNH GIANG**	**KẾ TOÁN TRƯỞNG** **TRẦN KIM UYÊN**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CTCP CHỨNG KHOÁN FPT – CN.TPHCM

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

S.Q.Đ: 584 - C.T.C.P
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT (TP.HÀ NỘI)
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN VĂN TRUNG